

Số: 1909 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán bổ sung vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đường hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 1

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận tại văn bản số 2546/CIPM-DHDA5 ngày 13/9/2021; Biên bản thẩm tra bổ sung (đợt 3) báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đường hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 1 ngày 29/9/2021 của Tổ công tác thẩm tra quyết toán Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán bổ sung vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đường hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 1 như sau:

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Giá trị quyết toán
Tổng cộng:	1.158.009.409.854
Chi phí đầu tư quyết toán lần này	12.963.949.600
<i>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</i>	<i>12.963.949.600</i>
Chi phí đầu tư đã duyệt các lần trước	1.145.045.460.254

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Công nợ

- Phải thu: 2.883.392.893 đồng;
- Phải trả: 1.491.233.741 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục II kèm theo)

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư (lũy kế đến lần này): 1.158.009.409.854 đồng. (Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định 2335/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quyết toán bổ sung vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án thành phần 2 thuộc Dự án hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 1.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận và các đơn vị liên quan:

1. Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận: được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư hạng mục công trình là 1.158.009.409.854 đồng.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm hạch toán tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản với giá trị là: 1.158.009.409.854 đồng.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Điều 3, Quyết định 2335/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước;
- Vụ KCHT;
- Lưu: VT, TC (Thái).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

PHỤ LỤC I



BẢN TỔNG HỢP CHI PHÍ THẨM TRA KẾ QUYẾT QUẢN TOÁN

Kèm theo Quyết định số 1909 /QĐ-BGTVT ngày 03 /11/2021
của Bộ trưởng Bộ GTVT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị quyết toán	Ghi chú
I	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	12.963.949.600	
	Chi phí dịch vụ tư vấn	12.963.949.600	
	TỔNG CỘNG	12.963.949.600	



PHỤ LỤC II: BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ

Kèm theo Quyết định 2019/QĐ-BGTVT ngày 03 /11/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị thẩm tra	Giá trị đã thanh toán	Công nợ còn tồn đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán	
				Phải trả	Phải thu
I	Chi phí xây dựng	1.033.791.913.091	1.032.949.643.835	842.269.256	-
1	chi phí xây dựng	1.033.791.913.091	1.032.949.643.835	842.269.256	-
2	Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
II	Chi phí quản lý dự án và chi phí khác	124.217.496.763	126.451.925.171	648.964.485	2.883.392.893
<i>II.1</i>	<i>Chi phí quản lý dự án</i>	<i>7.428.686.289</i>	<i>7.428.686.289</i>		
<i>II.2</i>	<i>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</i>	<i>110.361.864.705</i>	<i>111.570.507.896</i>	<i>585.558.485</i>	<i>1.794.201.676</i>
1	Chi phí dịch vụ tư vấn (thiết kế và giám sát)	109.521.005.390	109.185.968.720	335.036.670	-
2	Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật	300.478.188	194.892.500	105.585.688	-
3	Chi phí giám sát độc lập giải phóng mặt bằng	341.851.127	316.033.000	25.818.127	-
4	Phân bổ giá trị Tư vấn lập dự án	-	1.676.870.458		1.676.870.458
5	Phân bổ giá trị Tư vấn đánh giá tác động môi trường	-	97.478.218		97.478.218
<i>II.3</i>	<i>Chi phí khác</i>	<i>6.426.945.769</i>	<i>7.452.730.986</i>	<i>63.406.000</i>	<i>1.089.191.217</i>
1	Bảo hiểm công trình	4.946.783.681	5.247.980.000		301.196.319
2	Chi phí cầm cọc giải phóng mặt bằng	212.054.088	261.849.000		49.794.912
3	Chi phí kiểm toán	-	699.891.000		699.891.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	-	-		-
5	Chi phí rà phá bom mìn	1.268.108.000	1.204.702.000	63.406.000	-
6	Phân bổ giá trị lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán	-	38.308.986		38.308.986
	TỔNG CỘNG	1.158.009.409.854	1.159.401.569.006	1.491.233.741	2.883.392.893



PHỤ LỤC II. GIÁ TRỊ TÀI SẢN HÌNH THÀNH QUA ĐẦU TƯ

Kèm theo Quyết định số 1999 /QĐ-BGTVT ngày 03 / 11/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Giá trị tài sản đã phê duyệt lần trước	Giá trị quyết toán đợt này	Lũy kế giá trị tài sản hình thành	Đơn vị tiếp nhận
	TỔNG CỘNG	1.145.045.460.254	12.963.949.600	1.158.009.409.854	
1	Đường	161.587.055.033	1.829.452.637	163.416.507.670	Tổng cục ĐBVN
2	Cầu Xà Xiêm	59.976.526.014	679.040.866	60.655.566.880	Tổng cục ĐBVN
3	Cầu Cái Bé	341.529.635.021	3.866.722.439	345.396.357.460	Tổng cục ĐBVN
4	Cầu Cái Lớn	492.237.778.705	5.573.006.466	497.810.785.171	Tổng cục ĐBVN
5	Cầu Xẻo Xu	62.048.867.815	702.503.458	62.751.371.273	Tổng cục ĐBVN
6	Cầu Bà Môn	9.499.373.629	107.549.792	9.606.923.421	Tổng cục ĐBVN
7	Cầu Thứ 2	9.166.833.121	103.784.842	9.270.617.963	Tổng cục ĐBVN
8	Cầu Xẻo Ke	6.578.424.601	74.479.458	6.652.904.059	Tổng cục ĐBVN
9	Cầu Thứ 4	125.561.980	1.421.585	126.983.565	Tổng cục ĐBVN
10	Cầu Xẻo Bướm	1.454.176.257	16.463.860	1.470.640.117	Tổng cục ĐBVN
11	Cầu Thứ 5	311.562.662	3.527.443	315.090.105	Tổng cục ĐBVN
12	Cầu Nhị Tỳ	212.744.789	2.408.649	215.153.438	Tổng cục ĐBVN
13	Cầu Thứ 6	316.920.628	3.588.105	320.508.733	Tổng cục ĐBVN